TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/DS-ST
Ngày: 04-9-2025
V/v tranh chấp
về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thuý Phượng
Ông Võ Thái Quân

-***Thư ký phiên toà****:*Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 tham gia phiên tòa*:* ông Trương Minh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, quyết định hoãn phiên Toà số 20/2025/QĐST-DS ngày 21/8/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng thương mại cổ phần Q(MB)
Trụ sở chính: Số A L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Phạm Thị Như Ý – chức vụ: chuyên viên thu hồi nợ - MBAMC Tây Nam B - theo giấy ủy quyền lập ngày 20/8/2025.

CCCD số 095195000351 cấp ngày 07/4/2021.

- **Bị đơn**:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1981.

CCCD số 089181016515 cấp ngày 05/6/2022.

Ông Dương Xuân V, sinh năm: 1980.

CCCD số 089080004462 cấp ngày 05/6/2022.

Trú tại: ấp H, xã P, tỉnh An Giang(địa chỉ trước đây ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang).

(Bà Như Ý có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2025 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q, lời khai của đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/10/2023 bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và ông Dương Xuân V và Ngân hàng TMCP Q (M) – Chi nhánh A ký kết Hợp đồng cho vay số 0001.23.464.30032239.TD (sửa đổi, bổ sung văn kiện Hợp đồng vay số 0001.23.464.30032239.TD.PL01 và 0001.23.464.30032239.TD.PL02 và 0001.23.464.30032239.TD.PL03) và các văn bản nhận nợ kèm theo như sau: số hợp đồng: 0001.23.464.30032239.TD, ngày 18/10/2023, số khế ước LD2428490097, ngày nhận nợ 10/10/2024 mục đích bổ sung vốn kinh doanh mua bán lúa nếp, lãi suất là 6.5%/ năm ngày đến hạn 10/9/2025, số tiền 5.488.000.000 đồng, số khế ước LD2426495435, ngày nhận nợ 20/9/2024 mục đích bổ sung vốn kinh doanh mua bán lúa nếp, lãi suất là 6.5%/ năm ngày đến hạn 20/8/2025, số tiền 1.535.000.000 đồng, thẻ tín dụng 200.000.000 đồng, tổng số tiền giải ngân là 7.223.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay của bà Đ và ông V gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 1467+1468+1498+1499+1669, tờ bản đồ số 32, diện tích 39.982 m2, tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BX910568, số vào sổ cấp GCN: CH02490 do UBND huyện P, tỉnh An Giang cấp ngày 14/10/2015. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C số 4406 ngày 18/10/2023 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đ1 chi nhánh P, tỉnh An Giang theo đúng quy định của Pháp luật;

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 14, diện tích 600 m2, tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DC996347, số vào sổ cấp GCN: CS04672 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 05/08/2021. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C số 4835 ngày 15/11/2023 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đ1 chi nhánh P, tỉnh An Giang theo đúng quy định của Pháp luật;

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đ và ông V đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng cho vay và các Khế ước nhận nợ nên bị quá hạn từ ngày 07/02/2025, tạm tính đến ngày 08/04/2025 bà Đ và ông V đã trả được số tiền: theo số hợp đồng 0001.23.464.30032239.TD, số tiền lãi trong hạn đã trả 74.275.945 đồng, tổng số tiền thanh toán theo khế ước LD2428490097 là 74.275.945 đồng , theo khế ước LD2426495435 trả số tiền gốc 843.000.000đồng, lãi trong hạn đã trả 26.242.192 đồng, tổng số tiền đã thanh toán theo khế ước số

LD2426495435 là 869.242.192 đồng, thẻ tín dụng: 0. Tổng cộng là 943.518.137 đồng .Tạm tính đến ngày 08/4/2025 của bà Đ, ông V còn nợ Ngân hàng theo số hợp đồng 0001.23.464.30032239.TD ngày 18/10/2023 theo khế ước LD2428490097 số tiền gốc 5.488.000.000 đồng, lãi trong hạn là 101.640.767 đồng, lãi phạt là 1.059.515 đồng, tổng dư nợ theo khế ước là 5.590.700.282 đồng. Khế ước số LD2426495435 số tiền gốc 692,000,000 đồng, lãi trong hạn là 14.929.142 đồng, lãi phạt là 165.262 đồng, tổng dư nợ theo khế ước là 707.094.404 đồng; Nợ thẻ tín dụng gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 31.992.827 đồng, tổng dư nợ thẻ là 231.992.827 đồng. Tổng cộng số tiền gốc còn nợ là 6.380.000.000, lãi trong hạn là 148.562.736 đồng, lãi phạt là 1.224.777 đồng. Tổng cộng là 6.529.787.513 đồng. Trong quá trình vay ông V, bà Đ đã vi phạm các nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận theo các Hợp đồng cho vay. Nay Ngân hàng yêu cầu Toà án nhân dân Khu vực 12 (tên gọi trước đây Toà án nhân dân huyện Phú Tân) buộc bà Đ và ông V thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 6. 529. 787. 513 đồng, bao gồm: 6.380.000.000 đồng nợ gốc và 149.787.513 đồng nợ lãi trong đó 6.180.000.000 đồng nợ gốc (Theo Hợp đồng cho vay số 0001.23.464.30032239.TD) và 117.794.686 đồng nợ lãi và 200.000.000 đồng nợ gốc (theo Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng) và 31.992.827 đồng nợ lãi (tạm tính đến hết ngày 08/04/2025*)*. Buộc bà Đ và ông V thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 0001.23.464.30032239.TD và Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng kể từ ngày 09/04/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa Ngân hàng với ông V, bà Đ để đảm bảo cho việc Thi hành án.

Bị đơn ông Dương Xuân V, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ vắng mặt từ khi Toà án thụ lý nên không có lời trình bày.

Tài liệu do Toà án thu thập được đại diện Ủy ban nhân dân xã P(tên gọi trước đây Ủy ban nhân dân xã P, huyện P) tỉnh An Giang cho biết ông Dương Xuân V, sinh năm 1980 bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1981 hiện đang sinh sống và có mặt tại địa phương thuộc ấp H, xã P(tên gọi trước đây là xã P, huyện P) tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Đ, ông V trả số tiền còn nợ là 958.176.309 đồng, bao gồm 640.000.000 đồng nợ gốc và 318.176.309 đồng nợ lãi tám tính đến ngày 03/9/2025. Không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 1467+1468+1498+1499+1669, tờ bản đồ số 32, diện tích 39.982 m2, tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số:

BX910568, số vào sổ cấp GCN: CH02490 do UBND huyện P, tỉnh An Giang cấp ngày 14/10/2015. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C số 4406 ngày 18/10/2023 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đ1 chi nhánh P, tỉnh An Giang; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 14, diện tích 600 m2, tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DC996347, số vào sổ cấp GCN: CS04672 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 05/08/2021. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C số 4835 ngày 15/11/2023 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đ1 chi nhánh P, tỉnh An Giang;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 12 phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật, xác định Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng những quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.571.611.204

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q(MB), buộc ông Dương Xuân V, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trả cho ngân hàng số tiền vốn vay còn nợ là 958.176.309 đồng, bao gồm 640.000.000 đồng nợ gốc và 318.176.309 đồng nợ lãi. Không yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi cư trú tại xã P (địa chỉ trước đây xã P, huyện P), tỉnh An Giang về số tiền vay nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 12 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: ông V, bà Đ là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu ông V, bà Đ trả số tiền 5.571.611.204 đồng, chỉ yêu cầu trả số tiền còn nợ 958.176.309 đồng và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng thế chấp, việc rút này là hoàn toàn tự nguyện do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Ngân hàng thương mại cổ phần Q có ký hợp đồng số 0001.23.464.30032239.TD với ông V, bà Đ ngày 18/10/2023, số khế ước LD2428490097, ngày nhận nợ 10/10/2024 mục đích bổ sung vốn kinh doanh mua bán lúa nếp, lãi suất là 6.5%/ năm ngày đến hạn 10/9/2025, số tiền 5.488.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất cho vay thời gian tiếp theo được xác định bằng lãi suất tham chiếu VND kỳ hạn vay <_ 12 tháng- kỳ điều chỉnh 01 tháng áp dụng tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng(+) biên độ 1,5%/năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào tháng 04/2025, các ngày điều chỉnh tiếp theo vào ngày 10 hàng tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả là 10%/năm.

Số khế ước LD2426495435, ngày nhận nợ 20/9/2024 mục đích bổ sung vốn kinh doanh mua bán lúa nếp, lãi suất là 6.5%/ năm ngày đến hạn 20/8/2025, số tiền 1.535.000,000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất cho vay thời gian tiếp theo được xác định bằng lãi suất tham chiếu VND kỳ hạn vay <_ 12 tháng - kỳ điều chỉnh 01 tháng áp dụng tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng(+) biên độ 1,5%/năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào tháng 03/2025, các ngày điều chỉnh tiếp theo vào ngày 20 hàng tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả là 10%/năm.

Thẻ tín dụng 200.000.000 đồng ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 30/01/2025 tổng số tiền giải ngân là 7.223.000.000 đồng. Hình thức thanh toán kỳ hạn trả lãi vay, nợ gốc và số nợ gốc phải trả mỗi kỳ được qui định cụ thể trên từng Văn bản nhận nợ.

Hợp đồng cho vay số 0001.23.464.30032239.TD ngày 18/10/2023, số khế ước LD2428490097, số khế ước LD2426495435 và hợp đồng thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q với ông Dương Xuân V, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ được thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật Dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi nhận tiền vay theo văn bản nhận nợ khế ước số LD2428490097 ngày nhận nợ 10/10/2024 đến hạn thanh toán ngày 10/9/2025, văn bản nhận nợ số khế ước LD2426495435 ngày nhận nợ 20/9/2024 ngày đến hạn 20/8/2025 và hợp đồng thẻ tín dụng ông V, bà Đ chỉ thanh toán được một phần tiền vốn,lãi của hợp đồng 0001.23.464.30032239.TD nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Như vậy, đến hạn trả tiền vốn vay, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thẻ ông V, bà Đ không thực hiện nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả tiền vốn vay và tiền lãi của các hợp đồng tín dụng trên là có căn cứ.

[2.1] Hợp đồng tín dụng 0001.23.464.30032239.TD ngày 18/10/2023 giữa Ngân hàng và ông V, bà Đ có nghĩa vụ trả vốn, lãi còn nợ 958.176.309 đồng trong

đó nợ gốc của hợp đồng tín dụng 440.000.000đồng, nợ thẻ tín dụng là 200.000.000 đồng và nợ tiền lãi 288.834.049 đồng, lãi quá hạn là 20.783.671 đồng, lãi chậm trả lãi là 8.558.589 đồng tạm tính đến ngày 03/9/2025. Về tiền lãi, các bên thỏa thuận lãi trong hạn là 6,5%/năm áp dụng đối với các văn bản nhận nợ áp dụng lãi suất cho vay ưu đãi đối với số tiền giải ngân tại Mục I. 1 trong văn bản nhận nợ, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, phạt lãi chậm trả 10%/năm phù hợp các quy định về lãi suất tự thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng. Do đó, ông V, bà Đ còn có nghĩa vụ trả lãi gồm: lãi trong hạn 288.834.049 đồng, lãi quá hạn là 20.783.671 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 8.558.589 đồng, Ông V, bà Đ có nghĩa vụ trả vốn và lãi cho Ngân hàng đến ngày 03/9/2025 là 958.176.309 đồng

[2.2] Để đảm bảo tiền vay của Hợp đồng tín dụng 0001.23.464.30032239.TD ngày 18/10/2023 ông V, bà Đ đã ký với Ngân hàng các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 223838.23.464.30032239.BĐ ngày 18/10/2023, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 232671.23.464.300.32239.BĐ ngày 15/11/2023. Tuy nhiên, Ngân hàng TMCP Q không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng thế chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về án phí, chi phí tố tụng: 43.745.289 đồng, trong đó tiền án phí dân sự sơ thẩm là 40.745.289 đồng, chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 385 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 167 của Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số tiền đã rút 5.571.611.204 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Buộc ông Dương Xuân V, Nguyễn Thị Ngọc Đ trả cho ngân hàng thương mại cổ phần Q tiền vốn vay và lãi của hợp đồng tín dụng là 958.176.309 đồng trong đó vốn 640.000.000 đồng và lãi 318.176.309 đồng (lãi trong hạn 288.834.049 đồng, lãi quá hạn: 20.783.671 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 8.558.589 đồng)

Ông V, bà Đ còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số 0001.23.464.30032239.TD ngày 18/10/2023 theo văn bản nhận nợ số khế ước LD2426495435 và hợp đồng thẻ từ ngày 03/09/2025 cho đến khi thanh toán xong số tiền trên.

Về chi phí tố tụng: 3.000.000 đồng ngân hàng thương mại cổ phần Q đã tạm ứng. Bị đơn ông V, bà Đ có trách nhiệm hoàn lại Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Về án phí: Bị đơn ông Dương Xuân V, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu 40.745.289 đồng (bốn mươi triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm tám chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương Mại cổ phần Q không phải chịu án phí. Trả lại Ngân hàng Thương Mại cổ phần Q tiền tạm ứng án phí 57.265.000.đồng theo biên lai thu số 0012080 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân(nay là Thi Hành Á tỉnh An Giang) .

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Thảo